

SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 35

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Năm 2020 – Tập I

Nội dung

	<i>Trang</i>
Phần I. Những lưu ý về chính sách thuế, hiệp định TM tự do EU - Việt Nam (“EVFTA”)	03
Phần II. Tóm lược các văn bản pháp quy đã ban hành trong 6 tháng đầu năm 2020	
1. Thuế GTGT	06
2. Thuế TNDN	09
3. Thuế TNCN	14
4. Phí, lệ phí	16
5. Xuất nhập khẩu	16
6. Kế toán tài chính	16
7. Lao động tiền lương	17
8. Quy định khác	19

Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia

tư vấn của AAC

Viết tắt

CP
Chính phủ

TTCP
Thủ tướng Chính phủ

BTC
Bộ Tài chính

BCT
Bộ Công thương

BLĐTBXH
Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội

NHNN
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TCT
Tổng Cục thuế

Thuế GTGT
Thuế Giá trị gia tăng

Thuế TNDN
Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNCN
Thuế thu nhập cá nhân

NĐ
Nghị định

TT
Thông tư

QĐ
Quyết định

CV
Công văn

PHẦN I. NHỮNG LƯU Ý VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ, HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU - VIỆT NAM (“EVFTA”)

THUẾ

1. [Nghị quyết 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm 30% thuế TNDN](#)

Áp dụng đối với người nộp thuế là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật Thuế TNDN, bao gồm:

- Doanh nghiệp;
- Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- Đơn vị sự nghiệp;
- Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

Có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

Doanh nghiệp tự xác định số thuế được giảm khi tạm nộp thuế TNDN theo quý và quyết toán thuế TNDN năm 2020

Nghị quyết 116 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/8/2020 và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020.

2. [Nghị định sửa đổi khoản 3 Điều 8, Nghị định 20/2017/NĐ-CP về giao dịch liên kết:](#)

Ngày 24/06/2020, Chính phủ đã chính thức ban hành Nghị định số 68/2020/NĐ-CP (“Nghị định 68”) sửa đổi khoản 3 Điều 8, Nghị định 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ngày 24/02/2017, liên quan đến chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết.

Các nội dung sửa đổi bao gồm:

- Tăng ngưỡng khống chế chi phí lãi vay từ 20% lên 30% của tổng lợi nhuận thuần cộng chi phí lãi vay và khấu hao (EBITDA). Ngưỡng khống chế chi phí lãi vay áp dụng đối với chi phí lãi vay thuần (tức là chi phí lãi vay sau khi bù trừ doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay khi so sánh với ngưỡng khống chế).
- Chi phí lãi vay vượt ngưỡng khống chế không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo, và được khấu trừ nếu tỷ suất tổng chi phí lãi vay thuần/EBITDA của những năm tiếp theo đó thấp hơn 30%. Thời hạn chuyển tiếp tối đa là 5 năm.
- Ngưỡng khống chế chi phí lãi vay không áp dụng đối với các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ, các khoản vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững) và chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước (nhà ở tái định cư, nhà ở công nhân, sinh viên và dự án phúc lợi công cộng khác).

Nghị định 68/2020/NĐ-CP chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 24/6/2020 và áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2019.

Người nộp thuế đã áp dụng Khoản 3, Điều 8 Nghị định 20 cho kỳ tính thuế TNDN năm 2017, 2018 thì được hướng dẫn xử lý như sau:

- Khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2017, 2018 để xác định chi phí lãi vay, số thuế TNDN phải nộp tương ứng (nếu có) và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước ngày 01/01/2021
- Trường hợp người nộp thuế đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý theo Luật Quản lý thuế của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định lại số thuế phải nộp. Số thuế phải nộp được xác định lại nhưng không điều chỉnh lại kết luận và quyết định thanh tra, kiểm tra năm 2017, 2018. Trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc đang giải quyết theo trình tự khiếu nại thì không điều chỉnh lại số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.
- Trường hợp người nộp thuế có số thuế TNDN, tiền chậm nộp đã nộp NSNN lớn hơn số thuế TNDN, tiền chậm nộp đã xác định lại thì phần chênh lệch được bù trừ vào số thuế TNDN năm 2020, nếu không bù trừ hết thì phần còn lại được bù trừ trong các năm tiếp theo nhưng tối đa không quá 5 năm, kể từ năm 2020. Kết thúc thời hạn trên, không xử lý số thuế còn lại chưa bù trừ hết.

3. [Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2020/NĐ-CP:](#)

Tổng cục Thuế ban hành Công văn 2835/TCT-TTKT hướng dẫn một số nội dung liên quan đến quy định áp dụng hiệu lực thi hành của Nghị định 68 cho kỳ quyết toán thuế năm 2019 và xử lý hồi tố đối với các năm 2017 và 2018, cụ thể như sau:

1/ Đối với kỳ quyết toán thuế năm 2019:

- Đối với các doanh nghiệp đã kê khai quyết toán thuế năm 2019 theo kỳ tính thuế đến hạn trước ngày 31/3/2020 thì thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định tại Nghị định 68.
- Đối với các doanh nghiệp chưa đến kỳ kê khai quyết toán thuế năm 2019 thì thực hiện theo quy định sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 68 .

2/ Đối với việc xử lý hồi tố cho kỳ tính thuế TNDN năm 2017, 2018:

a/ Về phạm vi áp dụng:

Việc xử lý hồi tố chi phí lãi vay khống chế cho các năm 2017, 2018 chỉ áp dụng như sau:

- Nâng ngưỡng khống chế chi phí lãi vay từ 20% lên 30%;
- Áp dụng phương pháp tính chi phí lãi vay thuần (lãi đi vay trừ (-) lãi tiền gửi, lãi cho vay);
- Không áp dụng hồi tố đối với quy định sửa đổi, bổ sung tại điểm (b) (chuyển tiếp chi phí) và (c) (mở rộng đối tượng miễn áp dụng) tại Nghị định số 68 cho các năm 2017, 2018.

b/ Về việc thực hiện bù trừ số thuế TNDN đã nộp trong các năm 2017 và 2018:

Trường hợp áp dụng tính toán lại phạm vi theo quy định tại Nghị định 68, nếu số thuế TNDN giảm thì sẽ được giảm số tiền chậm nộp tương ứng (nếu có), cụ thể:

- Trường hợp chưa qua thanh tra, kiểm tra:

Người nộp thuế thực hiện bù trừ phần chênh lệch số tiền thuế TNDN và tiền chậm nộp tương ứng vào số thuế TNDN năm 2020. Nếu năm 2020 không đủ bù trừ hết thì được bù trừ vào thuế TNDN phải nộp 05 năm tiếp theo kể từ năm 2020. Kết thúc thời hạn trên, không xử lý số thuế TNDN còn lại chưa bù trừ hết.

- Trường hợp đã thanh tra, kiểm tra và đã có kết luận, quyết định xử lý:

Người nộp thuế đề nghị Cục thuế, Chi Cục thuế quản lý trực tiếp xác định lại số thuế TNDN phải nộp. Căn cứ đề nghị của người nộp thuế; các hồ sơ liên quan, bao gồm tài liệu của doanh nghiệp và tài liệu, biên bản của Đoàn thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định lại số thuế TNDN phải nộp, tiền chậm nộp tương ứng để thực hiện bù trừ phần chênh lệch vào số thuế TNDN năm 2020.

+ Trường hợp cần thiết, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với các Đoàn thanh tra, kiểm tra rà soát, xác định số liệu của người nộp thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Tương tự trường hợp chưa qua thanh tra, kiểm tra, nếu năm 2020 không đủ bù trừ hết thì được bù trừ vào thuế TNDN phải nộp 05 năm tiếp theo kể từ năm 2020. Kết thúc thời hạn trên, không xử lý số thuế TNDN còn lại chưa bù trừ hết.

c/ Về địa điểm, hình thức thực hiện:

- Việc xác định lại số thuế phải nộp được thực hiện tại trụ sở cơ quan quản lý thuế, không thực hiện thanh tra, kiểm tra lại tại trụ sở người nộp thuế; không thực hiện điều chỉnh lại kết luận và quyết định thanh tra, kiểm tra năm 2017, 2018.
- Trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc đang giải quyết theo trình tự khiếu nại thì không điều chỉnh lại số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.

4. Thời điểm triển khai mức giảm trừ gia cảnh mới

Theo hướng dẫn tại Công văn số 2546/TCT-DNNCN ngày 23/6/2020 của Tổng Cục thuế, người nộp thuế áp dụng mức giảm trừ gia cảnh mới (11 triệu đồng/tháng đối với đối tượng nộp thuế và 4,4 triệu đồng/tháng đối với người phụ thuộc) từ kỳ khai thuế TNCN tháng 7/2020 (trường hợp khai thuế theo tháng) và kỳ khai thuế TNCN tạm tính quý 3/2020 (trường hợp khai thuế theo quý)

Trường hợp các tháng/quý thuộc kỳ tính thuế 2020 đã tạm nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công theo mức giảm trừ gia cảnh cũ thì sẽ được xác định lại số thuế TNCN phải nộp của kỳ tính thuế năm 2020 theo mức giảm trừ gia cảnh mới khi quyết toán thuế TNCN năm 2020.

5. Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 10/8/2020.

Đối tượng áp dụng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 15 ngày trở lên do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Mức giảm tiền thuê đất là giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với người thuê đất quy định tại Điều 2 Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg, không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước

năm 2020 và tiền chậm nộp (nếu có). Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau nhưng chỉ ngừng một hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất, thửa đất đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp.

Hồ sơ giảm tiền thuê đất theo quy định bao gồm: 1. Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm 2020 của người thuê đất theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg. 2. Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao).

Người thuê đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin và đề nghị giảm tiền thuê đất của mình, đảm bảo đúng đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg.

6. Giải đáp vướng mắc liên quan đến chi phí dự phòng

Như đã đề cập trong bản tin về Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 (“Thông tư 48”), hiện nay hướng dẫn về trích lập dự phòng của Thông tư 48 có nhiều khác biệt so với Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”).

Theo đó, để xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản dự phòng thì việc lập dự phòng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48. Cho mục đích lập và trình bày BCTC, việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, khách hàng của AAC đã gặp phải nhiều vướng mắc. Để làm rõ điều này, AAC đã có văn bản gửi Bộ Tài chính về các vướng mắc mà khách hàng gặp phải. Ngày 21/03/2020, Bộ Tài chính đã có Công văn số 3338/BTC-QLKT để làm rõ các nội dung này. Theo đó, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

Đối với khoản dự phòng tổn thất vào đơn vị khác

Theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 45 Thông tư số 200 thì dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 48, việc trích lập dự phòng đầu tư vào các công ty con cổ phần đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Quy định này tại Thông tư số 48 không phân biệt các khoản đầu tư vì mục đích kinh doanh hay nắm giữ lâu dài như pháp luật kế toán

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa Thông tư 48 và Thông tư số 200, Công ty thực hiện điều chỉnh trên Tờ khai Quyết toán thuế TNDN.

Theo đó, nếu công ty Y đầu tư vào công ty niêm yết Z (là công ty con hoặc liên doanh hoặc liên kết) mà giá cổ phiếu Z bị giảm so với giá gốc nhưng Công ty Z không bị lỗ dẫn đến công ty Y có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị thì cho mục đích lập và trình bày BCTC, công ty Y không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính còn cho mục đích xác định nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, công ty Y được trừ chi phí dự phòng khi tính thuế TNDN đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu Z theo quy định tại Thông tư số 48

Đối với khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 45 Thông tư số 200 quy định: “Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh”

Như vậy, căn cứ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán kinh doanh tại cả Thông tư số 48 và Thông tư số 200 là đều căn cứ vào giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Thời điểm xác định giá trị thị trường các loại chứng khoán quy định tại điểm 1.2c khoản 1 Điều 45 Thông tư 200 (thời điểm kết thúc kỳ kế toán). Theo đó, trường hợp công ty A đầu tư vào cổ phiếu của công ty N nhằm mục đích kinh doanh, nếu giá đóng cửa của cổ phiếu N tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán thấp hơn so với giá gốc thì công ty A thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu N

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO LIÊN MINH CHÂU ÂU - VIỆT NAM (“EVFTA”)

1. Quốc hội Việt Nam chính thức phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam

Ngày 08/6/2020, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do EVFTA. Trước đó, EVFTA đã được Liên minh châu Âu (“EU”) phê chuẩn vào 30/3/2020.

Theo Điều 17.16 của Hiệp định, EVFTA sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai sau tháng mà Việt Nam và EU đã thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục phê chuẩn Hiệp định hoặc các Bên có thể thỏa thuận với nhau để lựa chọn một ngày khác. Theo đó, EVFTA có hiệu lực trong tháng 8/2020. Đối với Vương quốc Anh,

EVFTA vẫn sẽ được áp dụng tới cuối năm 2020 và có thể được gia hạn thêm trong thời kỳ chuyển tiếp Brexit theo thỏa thuận giữa Anh và EU về việc Anh rời EU.

EVFTA sẽ góp phần giúp đa dạng hóa thị trường để không bị phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường nào. EVFTA được dự đoán sẽ mang lại tác động tích cực cho cả hai bên, gần 100% giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn.

Với việc EVFTA được phê chuẩn, Việt Nam sẽ là điểm đến của nhiều nhà đầu tư từ EU và trên toàn thế giới.

Các doanh nghiệp cần chuẩn bị cho việc áp dụng Hiệp định quan trọng này thông qua việc tìm hiểu quy tắc xuất xứ áp dụng cho hàng hóa xuất nhập khẩu, tìm kiếm nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu áp dụng Hiệp định, tận dụng các cơ hội Hiệp định mang lại.

2. [Hướng dẫn về thủ tục chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ như sau](#)

Trong khi chờ Chính phủ thông qua Nghị định về biểu thuế xuất khẩu nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định EVFTA, Tổng cục Hải quan đã ban hành Công văn số 5575/TCHQ-GSQL ngày 21/8/2020 hướng dẫn các Cục hải quan các tỉnh, thành phố về thủ tục chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ như sau:

- Đối với các tờ khai nhập khẩu từ ngày EVFTA có hiệu lực và có chứng từ chứng nhận xuất xứ phù hợp theo quy định của EVFTA, cơ quan hải quan sẽ tiếp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ này và hướng dẫn công ty khai số tham chiếu và ngày cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ theo quy định tại Điều 5 Thông tư 38/2018/TT-BTC;
- Theo thông báo chính thức từ Ủy ban Châu Âu, EU sẽ không áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ theo Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu EUR.1 và chứng từ tự chứng nhận xuất xứ do nhà xuất khẩu đủ điều kiện đối với lô hàng xuất khẩu từ các nước trong EU để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt tại Việt Nam. Theo đó, Việt Nam sẽ cho hưởng ưu đãi đối với các lô hàng tự chứng nhận xuất xứ từ EU nếu chứng từ đó được phát hành bởi nhà xuất khẩu đã đăng ký mã số qua hệ thống REX (Registered Exporter System) hoặc bởi bất kỳ nhà xuất khẩu nào nếu lô hàng trị giá không quá 6.000 euro;
- Thời hạn nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ sẽ theo quy định hiện hành, cụ thể là nộp tại thời điểm làm thủ tục hải quan hoặc khai bổ sung trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai. Tuy nhiên trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19, cơ quan hải quan cho phép thời hạn bổ sung chứng từ chứng nhận xuất xứ là thời hạn hiệu lực của chứng từ chứng nhận xuất xứ đó (cụ thể là 01 năm) theo quy định tại Thông tư 47/2020/TT-BTC ngày 27/5/2020.

PHẦN II. TÓM LƯỢC CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY ĐÃ BAN HÀNH TRONG 6 ĐẦU NĂM 2020

THUẾ GTGT

1. [Thuế GTGT hoạt động dạy học, dạy nghề:](#)

Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với doanh nghiệp.

(CV số 2671/TCT-CS ngày 29/06/2020)

2. [Thanh toán qua ngân hàng bằng hình thức L/C:](#) Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra thực tế hồ sơ của doanh nghiệp chứng minh việc thực xuất khẩu và thực nhận tiền thanh toán các lô hàng xuất khẩu tương ứng bằng phương thức L/C, được quy định tại các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán ký giữa doanh nghiệp và khách hàng nước ngoài (bên nhập khẩu) thì doanh nghiệp đáp ứng điều kiện có chứng từ thanh toán qua ngân hàng (của hàng hóa thực xuất khẩu) theo quy định pháp luật thuế để xem xét khấu trừ, hoàn thuế. **(CV số 2485/TCT-DNL ngày 18/06/2020)**

3. [Kê khai thuế trong thời gian tạm ngừng kinh doanh:](#) Trường hợp người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng kinh doanh phát sinh nghĩa vụ đối với những hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều 200 Luật doanh nghiệp 2014 thì phải nộp hồ sơ khai thuế của thời gian tạm ngừng kinh doanh theo đúng quy định.

Trường hợp người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng kinh doanh phát sinh nghĩa vụ đối với những hoạt động không được quy định tại Khoản 3 Điều 200 Luật doanh nghiệp 2014 thì người nộp thuế phải thông báo với cơ quan nơi đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh về việc tiếp tục kinh doanh trở lại trước thời hạn và phải thực hiện đầy đủ các quy định về khai, nộp thuế theo quy định.

Từ ngày 01/07/2020, việc quản lý thuế đối với người nộp thuế trong thời gian tạm ngừng hoạt động, kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019.

(CV số 2621/TCT-KK ngày 26/06/2020)

4. [Thời hạn áp dụng hóa đơn điện tử:](#) Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trong khi cơ quan thuế chưa thông báo doanh nghiệp chuyển đổi sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và Thông tư số 68/2019/TT-BTC thì doanh nghiệp thực hiện áp dụng hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP, Thông tư số 39/2014/TT-BTC và Thông tư số 32/2011/TT-BTC .

Từ ngày 01/11/2020, việc áp dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và Thông tư số 68/2019/TT-BTC .

(CV số 2576/TCT-CS ngày 23/06/2020)

5. **Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư bị giãn tiến độ:** Trường hợp dự án đầu tư của Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc giãn tiến độ đầu tư thì nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp.

Dự án đầu tư của Công ty không đáp ứng quy định của pháp luật về đầu tư thì không thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC) nêu trên.

(CV số 2410/TCT-KK ngày 15/06/2020)

6. **Chính sách thuế, hóa đơn chiết khấu thương mại:** Nếu việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào theo quy định tại Điểm 2.5 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014. Do đó, việc Công ty lập chung 01 hóa đơn điều chỉnh cho nhiều khách hàng là không đúng quy định.

(CV số 2285/TCT-CS ngày 04/06/2020)

7. **Chính sách thuế đối với hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trực tuyến:**

Trường hợp là hoạt động mua bán quyền phần mềm trò chơi điện tử trực tuyến: Công ty ký hợp đồng với Công ty phát triển phần mềm nước ngoài để được quyền cài đặt, vận hành, phát hành và tiếp thị phần mềm trò chơi điện tử trực tuyến đến người chơi thì khi Công ty thanh toán tiền cho đối tác nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT quy định tại khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và thuế TNDN 10% theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trực tuyến thông qua Google và Apple: Trường hợp dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến tại Việt Nam thì dịch vụ này không áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC mà áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

(CV số 2270/TCT-CS ngày 03/06/2020)

8. **Hướng dẫn chính sách thuế đối với chương trình khuyến mại:**

Trường hợp Công ty ủy quyền cho nhà phân phối thực hiện chương trình khuyến mại cho khách hàng "mua hàng X tặng hàng Y" theo đúng quy định của pháp luật về thương mại thì khi tặng hàng khuyến mại cho khách hàng, nhà phân phối thực hiện lập hóa đơn, trên hoá đơn ghi tên và số lượng hàng hoá, ghi rõ là hàng khuyến mại và giá tính thuế GTGT bằng (0).

Trường hợp Công ty thanh toán cho nhà phân phối giá trị hàng hóa thực hiện chương trình khuyến mại thì khi nhận khoản thanh toán, nhà phân phối phải lập hóa đơn GTGT và tính thuế GTGT theo thuế suất 10% nếu nhà phân phối là người nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng hóa đơn bán hàng và xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ (%) trên doanh thu theo quy định nếu nhà phân phối là người nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Đối với khoản chi khuyến mại mà Công ty thanh toán cho nhà phân phối nếu đáp ứng quy định Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì Công ty được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

(CV số 40840/CT-THTT ngày 25/05/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

9. **Chứng từ chi khuyến mại quà tặng:** Trường hợp Công ty thực hiện chương trình khuyến mại phù hợp với pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại theo hình thức tặng phiếu quà tặng thì khi khuyến mại bằng phiếu quà tặng thì Công ty không phải lập hóa đơn. Khoản chi khuyến mại có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định Công ty được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào (nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ) và được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN.

Trường hợp Công ty có phát sinh hoạt động tặng quà cho khách hàng thì Công ty phải thực hiện lập hóa đơn và kê khai, tính nộp thuế GTGT như hàng hóa, dịch vụ bán ra cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động tặng quà. Nếu các khoản chi phí này đáp ứng điều kiện về chi phí được trừ theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC thì khoản chi phí này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập Công ty.

(CV số 4463/CT-THTT ngày 06/05/2020 của Cục thuế Tp HCM)

10. **Hướng dẫn chính sách thuế:** Trường hợp hoa tươi là sản phẩm trồng trọt được sơ chế cắt và bó thành bó hoa hoặc lồng hoa, có sử dụng thêm các phụ kiện đi kèm để trở thành một sản phẩm khác với sản phẩm hoa tươi

nguyên bản (chỉ sơ chế tách cọng, cắt) ban đầu thì hoa tươi bó, lẵng hoa tươi không thuộc loại sản phẩm sơ chế thông thường quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Do đó, trường hợp doanh nghiệp khi mua bó hoa, lẵng hoa về tặng khách hàng thực hiện xuất hóa đơn thuế suất 10% và kê khai, nộp thuế theo quy định. **(CV số 152/TCT-DNL ngày 13/01/2020)**

11. **Tiêu thức “Hình thức thanh toán” trên hóa đơn:** Tiêu thức “Hình thức thanh toán” không phải nội dung bắt buộc trên hóa đơn, trường hợp Công ty có nhận các hóa đơn đầu vào có tiêu thức “Hình thức thanh toán” để trống hoặc viết tắt thì các hóa đơn này là phù hợp để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào và tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật thuế GTGT, thuế TNDN **(CV số 708/CT-TTHT ngày 21/01/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

12. **Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư:** Trường hợp Công ty có dự án đầu tư mới, đáp ứng các quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đầu tư thì được giải quyết hoàn thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư phát sinh trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động.

Trường hợp dự án đầu tư của Công ty bị chậm tiến độ so với nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì Công ty có trách nhiệm đề xuất bằng văn bản với cơ quan đăng ký đầu tư để điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư.

(CV số 1393/TCT-KK ngày 01/04/2020)

13. **Thuế GTGT đối với hàng hóa có điểm giao, nhân ngoài Việt Nam:** Trường hợp Công ty mua hàng hóa của nước ngoài, sau đó bán lại lô hàng này cho đơn vị khác cũng tại nước ngoài; nếu Công ty có các tài liệu chứng minh việc giao, nhận lô hàng này với phía nước ngoài được thực hiện ở ngoài Việt Nam như hướng dẫn tại tiết a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì doanh thu Công ty nhận được từ việc bán lô hàng được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. **(CV số 28547/CT-TTHT ngày 29/04/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)**

14. **Hóa đơn:** Công ty có phát sinh việc tặng quà cho khách hàng, nhân viên để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khách hàng không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối mỗi ngày Công ty lập chung một hóa đơn ghi loại quà tặng, số tiền tổng cộng kèm bảng danh sách liệt kê chi tiết tên các khách hàng nhận quà. **(CV số 3522/CT-TTHT ngày 07/04/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

15. **Thanh toán qua ngân hàng:** Trường hợp Công ty chưa khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có liên quan thuộc các năm 2017 và 2018 cho cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra kỳ tính thuế có liên quan tại trụ sở Công ty thì:

Giao dịch mua bán và thanh toán tiền đã hoàn thành tại thời điểm các năm 2017 và 2018. Hạch toán kế toán, đối chiếu công nợ các năm 2017 và 2018 của Công ty sẽ không còn khoản phải trả của giao dịch nêu trên.

Năm 2019, Công ty chuyển khoản qua ngân hàng cho người bán và được người bán chuyển trả lại bằng số tiền đã chuyển khoản thì không được coi là thanh toán cho giao dịch mua bán của các năm 2017 và 2018 nêu trên.

Do vậy, Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với hàng hóa mua vào thuộc diện phải thanh toán qua ngân hàng nhưng thực tế thanh toán bằng tiền mặt.

(CV số 1366/TCT-KK ngày 31/03/2020)

16. **Thuế GTGT thủy sản chưa qua chế biến:** Trường hợp nguyên liệu đầu vào của nhà máy là da cá được mua từ các nhà máy chế biến thủy sản thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT thì khi Công ty bán sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trường hợp Công ty bán sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% **(CV số 939/TCT-CS ngày 06/03/2020)**

17. **Cấp hóa đơn lẻ:** Trường hợp Công ty đã tạm ngừng hoạt động nhưng chưa đóng mã số thuế thì không thuộc đối tượng được cấp hóa đơn lẻ. Trường hợp Công ty sau khi đã giải thể, phá sản, đã quyết toán thuế, đã đóng mã số thuế, phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua được cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ là loại hóa đơn bán hàng. **(CV số 923/TCT-CS ngày 05/03/2020)**

18. **Thuế GTGT đối với hàng biếu tặng của doanh nghiệp chế xuất:**

Hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng phải xuất hóa đơn GTGT (hoặc hóa đơn bán hàng);

Doanh nghiệp chế xuất sử dụng hóa đơn dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính).

(CV số 871/TCT-CS ngày 02/03/2020)

19. **Chính sách thuế GTGT khi chuyển nhượng bất động sản:** Trường hợp Công ty chuyển nhượng bất động sản (bao gồm quyền sử dụng đất và căn nhà) cho Công ty khác mà bất động sản này có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng của một cá nhân, nhưng không đủ cơ sở xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất do UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW quy định tại thời điểm nhận chuyển nhượng. **(CV số 15991/CT-TTHT ngày 30/03/2020)**

20. **Hóa đơn trả lại hàng hóa:** Trường hợp Công ty bán hàng cho khách hàng là doanh nghiệp chế xuất, Công ty được bán hàng thu ngoại tệ theo quy định của pháp luật, khi bán hàng Công ty lập hóa đơn, ghi đồng tiền thanh toán là Đô la Mỹ, sau đó, doanh nghiệp chế xuất phát hiện hàng hóa bị lỗi phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hóa thì khi trả lại hàng, doanh nghiệp chế xuất lập hóa đơn theo hướng dẫn tại Điểm 2.8 Khoản 2 Phụ lục 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng Đô la Mỹ, tỷ giá ghi trên hóa đơn trả lại hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh giữa hóa đơn bán hàng và hóa đơn trả lại hàng hóa, Công ty thực hiện hạch toán theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

(CV số 12412/CT-TTHT ngày 18/03/2020)

21. **Chứng từ đối với khoản thu, chi hộ:** Trường hợp Công ty thỏa thuận với Công ty mẹ để thực hiện chi hộ các chi phí vé máy bay, khách sạn cho nhân viên của Công ty mẹ được cử sang Việt Nam công tác thì khi chi trả hộ những khoản chi phí này, các nhà cung cấp phải lập hóa đơn cho Công ty mẹ. Công ty không kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với các hóa đơn mang tên công ty mẹ. Khi thu lại số tiền chi hộ, Công ty không phải lập hóa đơn mà chỉ lập chứng từ thu theo quy định.

Trường hợp các nhà cung cấp đã lập hóa đơn ghi tên, mã số thuế của Công ty thì Công ty đề nghị nhà cung cấp thu hồi hóa đơn đã lập để lập lại hóa đơn tên công ty mẹ. Trường hợp nhà cung cấp không thực hiện thu hồi hóa đơn đã lập thì khi thu tiền của công ty mẹ, Công ty phải lập hóa đơn GTGT, tính thuế GTGT theo quy định.

(CV số 10335/CT-TTHT ngày 10/03/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

22. **Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu:** Trường hợp Công ty trong hồ sơ hoàn thuế có phát sinh số thuế GTGT đề nghị hoàn liên quan đến trường hợp xuất khẩu bên nước ngoài mất khả năng thanh toán thì Công ty phải có văn bản giải trình rõ lý do và được sử dụng một trong số các giấy tờ quy định tại điểm d.1 khoản 3 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC để thay thế cho chứng từ thanh toán qua ngân hàng, bao gồm:

- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam đã đăng ký với cơ quan hải quan tại nước nhập khẩu hàng hóa (01 bản sao); hoặc
- Đơn khởi kiện đến tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tại nước nơi người mua cư trú kèm giấy thông báo hoặc kèm giấy tờ có tính chất xác nhận của cơ quan này về việc thụ lý đơn khởi kiện (01 bản sao); hoặc
- Phán quyết thắng kiện của tòa án nước ngoài cho cơ sở kinh doanh (01 bản sao); hoặc
- Giấy tờ của tổ chức có thẩm quyền nước ngoài xác nhận (hoặc thông báo) bên mua nước ngoài phá sản hoặc mất khả năng thanh toán (01 bản sao).

(CV số 324/TCT-CS ngày 21/01/2020)

THUẾ TNDN

1. **Lưu ý khi thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn nộp thuế, tiền thuế đất:**

Ngày 8/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất. Nghị định số 41 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và không cần Thông tư hướng dẫn.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính ban hành Công văn 5977/BTC-TCT ngày 20/05/2020 lưu ý một số nội dung như sau:

Gia hạn nộp thuế TNDN

Số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 được gia hạn không bao gồm số thuế TNDN tạm nộp theo quý. Theo đó, số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 tối đa bằng 20% tổng số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán.

Trường hợp doanh nghiệp có kỳ tính thuế TNDN theo năm tài chính không trùng năm dương lịch thì thời hạn nộp thuế được gia hạn xác định phù hợp với kỳ tính thuế TNDN của doanh nghiệp.

Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2019 theo quy định của Luật Quản lý thuế làm tăng số thuế TNDN phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn xác định theo nguyên tắc tại điểm a nêu trên, trong đó số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán căn cứ vào hồ sơ khai bổ sung.

đ) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế TNDN năm 2019 và ban hành kết luận trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn nộp thuế thì tổng số thuế được gia hạn (theo hồ sơ quyết toán doanh nghiệp tự khai và phần tăng thêm qua thanh tra kiểm tra) được xác định theo nguyên tắc tại điểm a nêu

trên, trong đó số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán căn cứ vào kết quả thanh tra, kiểm tra. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm 2019.

Gia hạn nộp thuế GTGT

Doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất được gia hạn số thuế GTGT phải nộp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 41 bao gồm số thuế GTGT tại trụ sở chính và số thuế GTGT phải nộp tại địa phương nơi có hoạt động kinh doanh xây dựng vắng lai ngoại tỉnh, xây dựng công trình liên tỉnh.

Kho bạc nhà nước chưa thực hiện khấu trừ thuế GTGT (trong thời gian gia hạn) trên số tiền thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các khoản thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án sử dụng vốn ODA thuộc diện chịu thuế GTGT đối với trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT.

2. **Chi phí thuế TNCN:** Trường hợp Công ty nộp thay cá nhân người nước ngoài số tiền thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập toàn cầu thì Công ty được trừ khoản chi phí này khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC nêu trên và thỏa thuận trong hợp đồng phải cử nhân viên từ Nhật Bản sang Việt Nam làm việc giữa công ty con và công ty mẹ tại Nhật Bản có điều khoản về việc Công ty chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuế TNCN mà người lao động phải nộp. **(CV số 40839/CT-TTHT ngày 25/05/2020)**
3. **Thuế nhà thầu đối với dịch vụ cung cấp và tiêu dùng ngoài Việt Nam:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng với tổ chức tại nước ngoài (không có cơ sở thường trú ở Việt Nam) để thực hiện các dịch vụ được cung cấp và tiêu dùng tại nước ngoài hoặc thực hiện các dịch vụ giao nhận, kho vận quốc tế từ nước ngoài về Việt Nam thì không thuộc đối tượng phải tính thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 2, Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC. **(CV số 37026/CT-TTHT ngày 18/05/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)**
4. **Chính sách thuế đối với khoản hoàn trả thù lao của chuyên gia nước ngoài làm việc tại VN:** Trường hợp công ty nước ngoài có kinh doanh tại Việt Nam hoặc phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ việc cử người lao động sang làm việc tại công ty Việt Nam thì công ty Việt Nam thực hiện kê khai, nộp thuế nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính. Cá nhân người lao động của công ty nước ngoài sang làm việc tại công ty Việt Nam có thu nhập phát sinh từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác thì chịu thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính. **(CV số 2012/TCT-DNNCN ngày 18/05/2020)**
5. **Ưu đãi thuế TNDN đối với lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn:** Nếu trong năm Công ty đang được hưởng ưu đãi TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phát sinh trên địa bàn ưu đãi) trừ các khoản thu nhập nêu tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. **(CV số 33313/CT-TTHT ngày 11/05/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)**
6. **Chứng từ thuê nhà của cá nhân:** Việc thanh toán không dùng tiền mặt chỉ áp dụng trong trường hợp khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT). Trường hợp Công ty thuê nhà của cá nhân để làm văn phòng thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản. Cá nhân cho thuê tài sản không phải lập hóa đơn trong trường hợp này.

Trường hợp tại hợp đồng thỏa thuận Công ty nộp thuế thay cho cá nhân thì tổng số tiền thuê nhà bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN.

(CV số 30300/CT-TTHT ngày 05/05/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

7. **Chi phúc lợi cho người lao động:** Trường hợp Công ty phát sinh khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động (chi nghỉ mát bằng tiền mặt cho người lao động không tham gia đợt nghỉ mát hàng năm theo Thỏa ước lao động tập thể do dịch bệnh) nếu tổng số chi có tính chất phúc lợi của Công ty không vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của Công ty thì Công ty căn cứ chứng từ chi tiền cho người lao động và danh sách người lao động được nhận tiền nghỉ mát theo quy chế của Công ty có chữ ký của người lao động nhận tiền để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 4376/CT-TTHT ngày 05/05/2020 của Cục thuế Tp HCM)**
8. **Gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19**

Ngày 08/04/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2020/NĐ-CP gia hạn thời gian nộp thuế và tiền thuê đất. Theo đó, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh được gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và tiền thuê đất.

Ngành nghề, lĩnh vực thuộc đối tượng áp dụng Nghị định:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm

điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

- Xây dựng;
- Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim.

Danh mục ngành kinh tế được xác định theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 về Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Việc xác định ngành kinh tế được áp dụng theo nguyên tắc, nếu thuộc ngành cấp 1 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 2, cấp 3, cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 1. Nguyên tắc tương tự sẽ áp dụng cho ngành kinh doanh tiếp theo.

- Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015; sản phẩm cơ khí trọng điểm theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15/03/2018.
- Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu)

Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế GTGT phát sinh phải nộp của kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý 1, quý 2 năm 2020 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo quý). Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế GTGT. Quy định này áp dụng gia hạn đối với cả các trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn.

Trong thời gian gia hạn, doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng cần lưu ý phải nộp Tờ khai theo đúng thời hạn quy định.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế TNDN tạm nộp quý 1, quý 2 của kỳ tính thuế năm 2020. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế TNDN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đã thực hiện nộp số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của năm 2019 vào ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp, tổ chức được điều chỉnh số thuế TNDN đã nộp để nộp cho số phải nộp của các loại thuế khác. Để thực hiện điều chỉnh, người nộp thuế lập thư tra soát kèm theo chứng từ nộp thuế hoặc thông tin liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh gửi cơ quan thuế.

Đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh

Gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNCN đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2020 đến ngày 31/12/2020.

Đối với tiền thuế đất

Gia hạn thời hạn nộp tiền thuế đất đối với số tiền thuế đất phải nộp kỳ đầu năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 05 tháng kể từ ngày 31/05/2020.

Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế GTGT, TNDN phải nộp.

Thủ tục gia hạn

Người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất (bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuế đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế hoặc chậm nhất là ngày 30/07/2020. Cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuế đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất cho cơ quan thuế sau ngày 30/07/2020 thì không được gia hạn nộp thuế, tiền thuế đất theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

9. **Thu nhập hưởng ưu đãi thuế TNDN:** Công ty đang được hưởng ưu đãi TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phát sinh trên địa bàn ưu đãi) trừ các khoản thu nhập nêu tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. **(CV số 26128/CT-TTHT của Cục thuế Tp Hà Nội)**

10. **Thuế nhà thầu:** Trường hợp Công ty ký hợp đồng mua hàng hóa từ Nhật Bản để bán cho các đơn vị tại Việt Nam, theo thỏa thuận đối tác bên Nhật Bản cung cấp hàng hóa kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, hỗ trợ kỹ thuật thì đối tác bên Nhật Bản thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu.

Trường hợp hợp đồng tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ kèm theo thì Công ty áp dụng tỷ lệ (%) để tính thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC như sau:

Đối với phần giá trị hàng hóa:

+ Thuế GTGT: không phải nộp thuế GTGT trên giá trị hàng hóa đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hoặc thuộc diện không chịu thuế GTGT.

+ Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 1%

Đối với phần giá trị dịch vụ kèm theo:

+ Thuế GTGT: áp dụng tỷ lệ thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế là 5%.

+ Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 5%

Trường hợp Công ty chi trả thay cho đối tác bên Nhật Bản một số khoản chi phí (vé máy bay, tiền khách sạn) cho chuyên gia của đối tác bên Nhật Bản sang Việt Nam để cung cấp dịch vụ thì doanh thu tính thuế nhà thầu bao gồm cả phần chi phí trả thay nêu trên.

(CV số 23242/CT-TTHT ngày 14/04/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

11. **Chi phí cho nhân viên:** Trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi có tính chất phúc lợi cho người lao động (mua thức ăn, tiệc cuối năm, tiệc giáng sinh) nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC, Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC và tổng các khoản chi có tính chất phúc lợi không vượt quá một tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm của Công ty thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. **(CV số 3531/CT-TTHT ngày 07/04/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

12. **Chi trả cho người lao động nước ngoài khi kết thúc hợp đồng lao động về nước:**

Khoản trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội thì khoản chi này không chịu thuế TNCN và được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Các khoản chi tiền vé máy bay, tiền vận chuyển hành lý cho cá nhân người lao động nước ngoài theo hợp đồng lao động tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động và được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Các khoản chi tiền vé máy bay, vận chuyển hành lý cho gia đình người lao động nước ngoài tính vào thu nhập chịu thuế TNCN người lao động và không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(CV số 3466/CT-TTHT ngày 06/04/2020 của Cục thuế Tp HCM)

13. **Chứng từ đối với khoản thu, chi hộ:** Trường hợp Công ty có thỏa thuận thu hộ, chi hộ với đối tác, khách hàng thì khi chi trả các khoản chi phí nêu trên, các nhà cung cấp phải lập hóa đơn ghi tên, mã số thuế của khách hàng. Khi thu lại số tiền chi hộ Công ty không phải lập hóa đơn, chỉ lập chứng từ thu theo quy định. Trường hợp trước đây các nhà cung cấp đã lập hóa đơn ghi tên, mã số thuế của Công ty, thì Công ty đề nghị nhà cung cấp thu hồi hóa đơn đã lập để lập lại hóa đơn mang tên khách hàng mà Công ty chi hộ. Công ty không kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với khoản thu hộ, chi hộ này. **(CV số 3487/CT-TTHT ngày 06/04/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

14. **Thuế TNDN trong hợp đồng hợp tác kinh doanh:** Trường hợp Công ty có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty A. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Công ty sẽ cung cấp mặt bằng nhà xưởng để làm nhà máy sản xuất và kho, Công ty A sử dụng mặt bằng vào mục đích sản xuất kinh doanh hàng may mặc; hàng tháng, Công ty A trả cho Công ty một khoản tiền cố định mà không phụ thuộc kết quả kinh doanh thì hoạt động này được xem là hoạt động cho thuê tài sản, Công ty lập hóa đơn theo mức thuế suất thuế GTGT là 10%, kê khai nộp thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo quy định. Hóa đơn này là căn cứ để Công ty A được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ theo hướng dẫn tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC và được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. **(CV số 3019/CT-TTHT ngày 24/03/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

15. **Chi phí được trừ:** Trường hợp Công ty có phát sinh các chi phí công tác, đào tạo cho nhân viên ở nước ngoài, đặt vé máy bay qua internet và các khoản chi phí trên được thanh toán bằng thẻ tín dụng cá nhân là người lao động

của Công ty, nếu hình thức thanh toán này được quy định cụ thể tại quy chế quản lý tài chính của Công ty hoặc Quyết định về việc ủy quyền thanh toán của Công ty cho cá nhân người lao động; sau đó Công ty thực hiện trả tiền bằng chuyển khoản cho cá nhân thì hình thức thanh toán trên không dùng tiền mặt. Các hồ sơ, chứng từ như: hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ mang tên và mã số thuế của Công ty; hồ sơ liên quan đến việc ủy quyền của doanh nghiệp cho cá nhân thanh toán với người bán và thanh toán lại với doanh nghiệp; chứng từ chuyển tiền từ tài khoản thẻ tín dụng của cá nhân cho người bán, chứng từ chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty cho cá nhân là căn cứ để Công ty kê khai tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. **(CV số 2990/CT-TTHT ngày 23/03/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

16. **Giao dịch liên kết:** Trường hợp trong kỳ tính thuế, Công ty chỉ phát sinh giao dịch liên kết từ hoạt động vay, cho vay với bên có quan hệ liên kết mà tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ dưới 30 tỷ đồng thì Công ty được miễn lập hồ sơ xác định giao dịch liên kết nhưng vẫn có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp cá nhân không góp vốn vào Công ty nhưng trực tiếp điều hành Công ty thì Công ty và cá nhân này là các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định 20/2017/NĐ-CP nêu trên. Nếu Công ty và bên có quan hệ liên kết phát sinh giao dịch liên kết quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định 20/2017/NĐ-CP thì Công ty có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP .

(CV số 15990/CT-TTHT ngày 30/03/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

17. **Thuế TNDN từ chuyển nhượng cổ phiếu:** Trường hợp Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với tổng mệnh giá tương đương giá trị cổ tức nhận được sau khi bên chia cổ tức đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định thì phần thu nhập này được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 6 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014.

Khi Công ty chuyển nhượng số cổ phiếu nêu trên thì Công ty phải tính, kê khai, nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo hướng dẫn tại Điều 15 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Trong đó, giá mua để làm căn cứ tính thu nhập chịu thuế TNDN khi chuyển nhượng số cổ phiếu này là giá trị cổ tức tương ứng Công ty nhận được.

(CV số 13872/CT-TTHT ngày 24/03/2020)

18. **Chi phí được trừ:** Trường hợp cá nhân góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sử hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp kể cả trường hợp doanh nghiệp đã đi vào sản xuất kinh doanh.

(CV số 475/TCT-CS ngày 10/02/2020)

19. **Chứng từ thu, chi hộ:** Trường hợp Công ty nhận ủy thác xuất khẩu từ các khách hàng và thỏa thuận thanh toán trước tổng tiền cước thuê tàu cho hãng tàu theo đúng quy định pháp luật là các khoản thu hộ, chi hộ và trường hợp các hãng tàu lập hóa đơn, ghi tên và mã số thuế của khách hàng thì khi thu lại số tiền chi hộ, Công ty không phải xuất hóa đơn GTGT, không phải kê khai, nộp thuế với các khoản thu hộ, chi hộ mà chỉ lập chứng từ thu, chi theo quy định; trường hợp các nhà cung cấp đã lập hóa đơn ghi tên, mã số thuế của Công ty thì khi thu lại tiền của khách hàng, Công ty phải lập hóa đơn GTGT, tính thuế GTGT theo quy định.

Trường hợp Công ty nhận ủy thác xuất khẩu hàng hóa và có thu tiền thù lao ủy thác thì Công ty phải xuất hóa đơn GTGT và khai thuế GTGT theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

(CV số 323/TCT-CS ngày 21/01/2020)

20. **Thuế nhà thầu đối với dịch vụ tư vấn:** Trường hợp Công ty có ký hợp đồng dịch vụ tư vấn logistics qua internet với nhà thầu nước ngoài thì khoản thu nhập mà nhà thầu nước ngoài nhận được thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC. Khi thanh toán phí dịch vụ cho nhà thầu nước ngoài, Công ty có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế GTGT, thuế TNDN thay cho nhà thầu nước ngoài. Số thuế GTGT khấu trừ nộp thay nhà thầu nước ngoài được kê khai, khấu trừ toàn bộ nếu có chứng từ, biên lai nộp thuế GTGT và đáp ứng điều kiện khấu trừ quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Trường hợp tại hợp đồng nhà thầu, Công ty thỏa thuận doanh thu nhà thầu nước ngoài nhận được đã bao gồm thuế TNDN thì số tiền thuế TNDN Công ty nộp thay nhà thầu nước ngoài không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Đối với khoản thanh toán phí dịch vụ tư vấn cho nhà thầu nước ngoài bằng đồng ngoại tệ thì Công ty quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài để tính, kê khai và nộp thuế nhà thầu.

(CV số 801/CT-TTHT ngày 03/02/2020 của Cục thuế Tp HCM)

21. **Chi phí quản lý căn hộ:** Trường hợp Công ty có chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác, giữ chức vụ quản lý tại Việt Nam, hưởng lương tại Việt Nam theo hợp đồng lao động ký với Công ty thì:

Về thuế GTGT: Công ty không được khấu trừ thuế GTGT tương ứng khoản chi phí quản lý căn hộ cho chuyên gia nước ngoài này theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Về thuế TNDN: Trường hợp theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả tiền lương, thưởng,...và khoản chi phí liên quan đến tiền nhà ở tại Việt Nam cho chuyên gia nước ngoài (bao gồm cả chi phí dịch vụ quản lý căn hộ) thì khoản chi phí dịch vụ quản lý căn hộ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

(CV số 8208/CT-TTHT ngày 27/02/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

22. **Giao dịch liên kết:** Trường hợp Công ty vay tiền từ các cá nhân là thành viên Hội đồng thành viên có tham gia điều hành Công ty (kể cả trường hợp không tính lãi vay) thì Công ty đã phát sinh giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 4 Nghị định 20/2017/NĐ-CP nêu trên. Do vậy, Công ty thực hiện xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ. **(CV số 6684/CT-TTHT ngày 20/02/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)**

THUẾ TNCN

1. **Chính sách thuế TNCN và LPTB đối với việc nhập tài sản riêng thành tài sản chung**

Về thuế TNCN: Trường hợp việc nhập tài sản riêng (là nhà và quyền sử dụng đất) của chồng thành tài sản chung của vợ chồng không phải là chuyển nhượng hay cho tặng bất động sản không phát sinh thu nhập, do đó không thuộc đối tượng kê khai, nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Trường hợp việc nhập tài sản riêng (là nhà và quyền sử dụng đất) của chồng thành tài sản chung của vợ chồng là chuyển nhượng hay cho tặng bất động sản thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 4 Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội.

Về Lệ phí trước bạ: theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị định số 140/NĐ-Chính phủ thì trường hợp nhập tài sản riêng của chồng vào tài sản chung của vợ chồng không thuộc trường hợp được miễn LPTB.

(CV số 2559/TCT-DNNCN ngày 23/06/2020)

2. **Chính sách thuế TNCN:**

Trường hợp các khoản chi phí làm và gia hạn thẻ tạm trú, thị thực cho người lao động nước ngoài do người sử dụng lao động chi trả để người lao động nước ngoài đủ điều kiện vào làm việc tại các tổ chức tại Việt Nam là trách nhiệm của người sử dụng lao động thì các khoản chi phí này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động nước ngoài.

Trường hợp khoản chi phí làm thị thực cho người lao động làm việc tại các tổ chức tại Việt Nam đi công tác nước ngoài theo yêu cầu của công việc là công tác phí theo đúng quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của tổ chức và theo quy định tại tiết đ.4, điểm đ, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động. Phần chi công tác phí vượt mức quy định được tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Trường hợp các khoản chi phí làm thẻ tạm trú, thị thực cho người lao động nước ngoài do công ty chi trả thay cho người lao động là lợi ích được hưởng của người lao động thì các khoản này tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động nước ngoài.

Trường hợp người lao động tại các tổ chức đóng góp vào Quỹ phòng chống thiên tai được thành lập theo quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ thì được giảm trừ đối với các khoản đóng góp nêu trên vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

(CV số 2014/TCT-DNNCN ngày 18/05/2020)

3. **Thuế TNCN khoản chi cho người lao động khi nghỉ việc:**

Trường hợp Công ty chi trả các khoản trợ cấp, hỗ trợ cho người lao động (ký hợp đồng lao động với Công ty từ 03 tháng trở lên) khi chấm dứt hợp đồng lao động thì:

+ Đối với khoản trợ cấp thôi việc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Bộ luật Lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của người lao động.

+ Đối với khoản trợ cấp thôi việc cao hơn mức quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Bộ luật Lao động thì Công ty thực hiện tổng hợp cùng với tiền lương, tiền công để khấu trừ thuế TNCN theo biểu thuế lũy tiến từng phần trước khi chi trả.

Riêng đối với khoản hỗ trợ tài chính mà công ty trả thêm cho người lao động (ngoài quy định của Bộ Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội) sau khi đã chấm dứt hợp đồng lao động, nếu khoản chi này từ hai triệu (2.000.000) đồng trở lên thì Công ty phải khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trên tổng thu nhập chi trả.

(CV số 4236/CT-TTHT ngày 04/05/2020)

4. **Thuế TNCN đối với tiền lương do làm việc ngày nghỉ phép:** Trường hợp người sử dụng lao động đã quy định lịch nghỉ hàng năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 111 Bộ Luật Lao động, nhưng vì một lý do nào đó người sử dụng lao động yêu cầu người lao động đi làm vào những ngày nghỉ hàng năm thì thời gian này là thời gian làm thêm giờ.

Theo đó, trường hợp người sử dụng lao động yêu cầu người lao động làm việc vào ngày nghỉ phép hàng năm và thanh toán tiền lương cho những ngày này theo hình thức làm thêm giờ thì phần thu nhập trả cao hơn so với tiền lương ngày làm việc bình thường theo quy định của Bộ luật Lao động là thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại điểm i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

(CV số 1524/TCT-DNNCN ngày 17/04/2020)

5. **Thuế TNCN quà tặng cho nhân viên:** Trường hợp Công ty tặng quà bằng hiện vật cho người lao động qua rút thăm trúng thưởng và tặng quà cho nhân viên gắn bó với Công ty thì được xem là khoản thu nhập từ lợi ích khác mà người lao động được hưởng, tính vào thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công của người lao động. **(CV số 3620/CT-TTH ngày 10/04/2020 của Cục thuế Tp HCM)**

6. **Thuế TNCN khoản môi giới bất động sản cho đối tượng không phải là người lao động:** Trường hợp Công ty theo trình bày có chi trả tiền hoa hồng môi giới cho các cá nhân không phải là người lao động của Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh bán hàng của Công ty thì:

+ Trường hợp cá nhân có thu nhập từ hoạt động môi giới bất động sản nộp thuế theo quy định về cá nhân kinh doanh hành nghề độc lập nếu cá nhân đó đã được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, có đăng ký thuế và đăng ký kinh doanh theo quy định về đăng ký kinh doanh. Cá nhân hành nghề độc lập thực hiện tự khai thuế, nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế.

+ Trường hợp cá nhân có thu nhập từ hoạt động môi giới bất động sản theo quy định nhưng không đăng ký kinh doanh thì tổ chức chi trả thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo quy định về tiền lương, tiền công với thuế suất 10% đối với từng lần chi trả từ hai triệu (2.000.000đ) đồng/lần trở lên. Cá nhân có trách nhiệm kê khai quyết toán thuế TNCN theo quy định.

Khoản chi nêu trên nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN.

(CV số 3452/CT-TTHT ngày 06/04/2020 của Cục thuế Tp HCM)

7. **Thuế TNCN khoản môi giới chi cho đối tượng là người lao động:** Công ty có chi trả khoản chi phí mang tính chất hoa hồng môi giới cho các cá nhân và cán bộ công nhân viên trong Công ty thì khoản thu nhập này thực chất là thu nhập từ tiền lương, tiền công, Công ty thực hiện khấu trừ thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên. Trường hợp các cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân. **(CV số 3450/CT-TTHT ngày 06/04/2020)**

8. **Thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú:** Trường hợp Công ty trả lương cho Tổng giám đốc là cá nhân nước ngoài đáp ứng điều kiện không cư trú tại Việt Nam thì phạm vi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân là thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Công ty thực hiện kê khai và tính, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nước ngoài theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Tổng giám đốc là cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam không được Công ty tại Việt Nam trả lương nhưng có thu nhập từ Công ty mẹ tại Nhật Bản cho khoảng thời gian làm việc tại Việt Nam, nếu không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì việc xác định thu nhập chịu thuế và tính, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

(CV số 12364/CT-TTHT ngày 18/03/2020 của Cục thuế Tp Hà Nội)

9. **Đăng ký người phụ thuộc:** Trường hợp người lao động làm việc tại Công ty đăng ký người phụ thuộc là cô, dì, chú, cậu, bác ruột vẫn có người thân là anh, chị, em ruột, con có đủ khả năng nuôi dưỡng thì không được coi là người không nơi nương tựa **(CV số 217/TCT-DNNCN ngày 17/01/2020)**

10. **Hoàn thuế TNCN bổ sung:** Cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế nếu có số thuế nộp thừa thì được hoàn thuế. Trường hợp cá nhân đã được cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế thu nhập cá nhân nhưng sau đó phát hiện vẫn còn số tiền thuế nộp thừa, khi có nhu cầu tiếp tục được hoàn thuế thì cá nhân được khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế để đề nghị hoàn thuế theo quy định. **(CV số 204/TCT-DNNCN ngày 15/01/2020)**

11. **Khấu trừ thuế TNCN:** Trường hợp công ty chi trả cho người lao động không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng từ 2.000.000 đồng/lần chi trả thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.

Trường hợp cơ quan chi trả cho người lao động dưới 2.000.000 đồng/lần, nhưng chi ra trả nhiều lần trong tháng để không khấu trừ thuế TNCN 10% thì Cục thuế có biện pháp quản lý rủi ro cho phù hợp, tránh thất thu ngân sách.

(CV số 176/TCT-DNNCN ngày 14/01/2020)

PHÍ, LỆ PHÍ

1. Mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2020:

Theo Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/06/2020:

Mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự được sản xuất, lắp ráp trong nước được thực hiện như sau:

Từ ngày 28/06/2020 đến hết ngày 31/12/2020: Mức thu lệ phí trước bạ bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 và các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương.

Từ ngày 01/01/2021 trở đi: Mức thu lệ phí trước bạ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2019/NĐ-CP và các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương.

2. Hướng dẫn mới về lệ phí môn bài

Chính phủ đã ban hành Nghị định 22/2020/NĐ-CP (“Nghị định 22”) ngày 24/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số quy định về lệ phí môn bài.

Theo Nghị định 22, tổ chức thành lập mới và hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân lần đầu ra hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12). Trong thời gian miễn lệ phí môn bài, nếu các đối tượng trên thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cũng được miễn lệ phí môn bài.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ kinh doanh (theo quy định tại Điều 16 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa) được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2020.

XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thời điểm nộp Giấy Chứng nhận xuất xứ ưu đãi (C/O) trong đại dịch COVID-19:

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 47/2020/TT-BTC ngày 27/5/2020 về thời hạn nộp C/O để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong thời điểm đại dịch COVID-19, khi người khai hải quan không thể nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ (“C/O”) tại thời điểm nhập khẩu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai.

Theo đó:

- Trong trường hợp chưa có C/O tại thời điểm nhập khẩu, người khai hải quan phải khai chậm nộp C/O trên tờ khai nhập khẩu và được khai bổ sung trong thời hạn hiệu lực của C/O;
- Hải quan chấp nhận C/O sử dụng chữ ký và con dấu điện tử với điều kiện cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu có thông báo về việc sử dụng loại C/O này và cung cấp trang thông tin điện tử hoặc phương thức khác để tra cứu C/O.
- Hải quan chỉ chấp nhận bản chụp/bản scan C/O trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu có thông báo về việc sử dụng bản chụp/bản scan và cung cấp trang thông tin điện tử hoặc phương thức khác để xác định tính hợp lệ của C/O.

Thông tư 47 có hiệu lực từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố về đại dịch COVID-19, ngày 23/1/2020.

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

1. Phê duyệt “Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam”: Ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Phương án công bố, áp dụng IFRS được chia thành 3 giai đoạn gồm: Giai đoạn chuẩn bị từ năm 2020 đến năm 2021; Giai đoạn 1 - áp dụng tự nguyện, từ năm 2022 đến năm 2025; Giai đoạn 2 – áp dụng bắt buộc đối với một số đối tượng kể từ sau năm 2025.

Việc áp dụng IFRS, yêu cầu đối với các doanh nghiệp áp dụng IFRS phải trình bày, thuyết minh chi tiết trong báo cáo tài chính đối với các nội dung khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (nếu có), đồng thời thực

hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; áp dụng tất cả các IFRS đã có hiệu lực theo quy định của Ủy ban Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IASB) tại cùng một thời điểm.

Khi IASB có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các IFRS thì cần phải kịp thời công bố bản dịch để thống nhất triển khai cho các đơn vị thuộc đối tượng áp dụng; áp dụng IFRS theo nguyên tắc nhất quán trong cả năm tài chính.

Về cách thức áp dụng IFRS, Bộ Tài chính ban hành các tiêu chí, hướng dẫn để đánh giá các thông tin tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo tính so sánh giữa doanh nghiệp áp dụng IFRS và doanh nghiệp không áp dụng IFRS. Đồng thời, công bố danh sách doanh nghiệp tự nguyện hoặc bắt buộc áp dụng IFRS lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính riêng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Phương án xây dựng, ban hành và áp dụng VFRS: được chia thành 2 giai đoạn, gồm: Giai đoạn chuẩn bị, từ năm 2020 đến năm 2024; Giai đoạn triển khai áp dụng VFRS từ năm 2025.

Theo đề án, việc nghiên cứu, xây dựng VFRS được thực hiện dựa trên IFRS theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam, nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

Quyết định số 345/QĐ-BTC có hiệu lực kể từ ngày ký.

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

1. [Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:](#) Ngày 27/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 58/2020/NĐ-CP quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Theo đó, doanh nghiệp được đề xuất áp dụng mức đóng bảo hiểm xã hội thấp hơn mức đóng bình thường (chỉ phải đóng 0,3% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH thay vì 0,5%) khi đáp ứng các điều kiện sau:

Là doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Trong vòng 03 năm liền trước năm đề xuất không bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội;

Thực hiện báo cáo định kỳ tai nạn lao động, an toàn, vệ sinh lao động, chính xác, đầy đủ, đúng hạn trong 03 năm liền kể trước năm đề xuất;

Tần suất tai nạn lao động của năm liền kể trước năm đề xuất phải giảm từ 15% trở lên so với tần suất tai nạn lao động trung bình của 03 năm liền kể trước năm đề xuất hoặc không để xảy ra tai nạn lao động tính từ 03 năm liền kể trước năm đề xuất.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2020.

2. [Sửa đổi quy định về bảo hiểm thất nghiệp](#)

Ngày 29/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Theo đó, người lao động được xác định là có việc làm khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Đã giao kết hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo công việc nhất định có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên.

Có quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm đối với những trường hợp không thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp người lao động là chủ hộ kinh doanh hoặc có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp người lao động là chủ doanh nghiệp.

Người lao động thông báo đã có việc làm cho trung tâm dịch vụ việc làm.

Người lao động được xác định là đang đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 49 của Luật Việc làm khi thuộc một trong các trường hợp:

Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trên sổ bảo hiểm xã hội.

Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trên sổ bảo hiểm xã hội.

Có tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tháng chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc mà nghỉ việc do ốm đau, thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng, không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trên sổ bảo hiểm xã hội.

Có tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tháng chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc mà nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng tại đơn vị và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trên sổ bảo hiểm xã hội.

Có tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tháng chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc mà tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng tại đơn vị và được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trên sổ bảo hiểm xã hội.

Tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động được tính nếu người sử dụng lao động và người lao động đã thực hiện hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và đã đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trường hợp người lao động đã được giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp, sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp mới được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp thì thời gian này được xác định là thời gian đóng nhưng chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm.

Nghị định 61 có hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2020.

3. [Hướng dẫn trả lương ngừng việc và giải quyết chế độ cho người lao động do đại dịch Covid-19](#)

Ngày 25/03/2020, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đã ban hành công văn số 1064/LĐTBXH-QHLDTL để hướng dẫn tiền lương và các khoản thanh toán khác trong thời gian ngừng việc liên quan đến dịch bệnh Covid-19.

Ở văn bản này, Bộ LĐTBXH đề cập đến những khó khăn liên quan đến lao động mà các doanh nghiệp có thể gặp phải, bao gồm:

- i. Lao động là người nước ngoài chưa được quay trở lại doanh nghiệp làm việc trong thời gian có dịch theo quy định;
- ii. Người lao động phải thực hiện cách ly theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- iii. Người lao động phải ngừng việc do doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp không vận hành được vì những người lao động khác trong thời gian chưa quay trở lại làm việc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền
- iv. Doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch ảnh hưởng đến nguồn nguyên vật liệu, thị trường dẫn tới phải thu hẹp sản xuất, không bố trí đủ việc làm cho người lao động.

Theo đó, Bộ LĐTBXH hướng dẫn như sau:

Việc trả lương ngừng việc căn cứ vào quy định tại Điều 98 của Bộ luật Lao động để xem xét các trường hợp gây ra ngừng việc (do lỗi của người sử dụng lao động hay người lao động hay do nguyên nhân khách quan) để xác định trả lương ngừng việc cho người lao động.

Nếu người lao động phải ngừng việc do ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch Covid-19, như trong các trường hợp (i), (iii) và (iii) được liệt kê ở trên, thì tiền lương của người lao động trong thời gian ngừng việc thực hiện theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật Lao động (tiền lương do hai bên thỏa thuận nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định).

Nếu một doanh nghiệp gặp khó khăn như đã nêu trong (iv) ở trên, doanh nghiệp có thể:

- Tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 31 Bộ luật Lao động. Điều 31 về cơ bản quy định rằng thời gian điều chuyển không được quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong một năm, trừ trường hợp được sự đồng ý của người lao động; và nếu tiền lương của công việc mới thấp hơn tiền lương công việc cũ thì được giữ nguyên mức tiền lương cũ trong thời hạn 30 ngày làm việc. Tiền lương theo công việc mới ít nhất phải bằng 85% mức tiền lương công việc cũ nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.
- Nếu việc dừng lại kéo dài đến mức gây ảnh hưởng đến khả năng chi trả của doanh nghiệp, thì các bên có thể thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Lao động. Bộ luật lao động không quy định thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, chỉ quy định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tạm hoãn hợp đồng lao động, người lao động phải có mặt tại nơi làm việc và người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm việc.
- Nếu doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dẫn tới giảm chỗ làm việc thì thực hiện sắp xếp lao động theo Điều 38 hoặc Điều 44 Bộ luật Lao động. Cần lưu ý rằng, để chấm dứt hợp đồng lao động, doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu thông báo 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn và 30 ngày đối với hợp đồng có thời hạn, và phải trả trợ cấp thôi việc (nếu có).

QUY ĐỊNH KHÁC

1. [Bổ sung khoản 2 vào Mục V Phần B Phụ lục I Nghị định 118/2015/NĐ-CP về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư:](#)

Chính phủ ban hành Nghị định bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Theo đó, Bổ sung khoản 2 vào Mục V Phần B Phụ lục I về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư như sau:

“2. Hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; gồm:

Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Đầu tư kinh doanh cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Đầu tư kinh doanh khu làm việc chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.”

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2020.